

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/01/2023
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 19/01/2023, tại Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1020/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc H – Sinh năm: 1993, địa chỉ: Số L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Nhật T – Sinh năm: 1993, địa chỉ: Số D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:***

Bà Trần Thị Ngọc H kết hôn với ông Nguyễn Nhật T vào ngày 09/10/2017,

đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên bà Trần Thị Ngọc H đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Nhật T và giải quyết vấn đề con chung.

Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Gia H1 – Sinh ngày: 20/3/2019 và cháu Nguyễn Trần Gia H2 – Sinh ngày: 05/11/2016 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Nhật T trình bày:*

Bà Trần Thị Ngọc H kết hôn với ông Nguyễn Nhật T vào ngày 09/10/2017, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Gia H1 – Sinh ngày: 20/3/2019 và cháu Nguyễn Trần Gia H2 – Sinh ngày: 05/11/2016. Đến năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nay Bà H ly hôn thì ông T không đồng ý và muốn hàn gắn, do các con chung còn nhỏ nên để mẹ nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tự khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H, bị đơn ông Nguyễn Nhật T. Bà Trần Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Nhật T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; không tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Nhật T theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Nhật T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/10/2017, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống vợ chồng Bà H, ông T có xảy ra mâu thuẫn, bà Trần Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Nhật T và ông T cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; không tham gia phiên tòa nên không thể hiện ý chí muốn hàn gắn hôn nhân. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Nhật T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H, cho bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn ông Nguyễn Nhật T.

Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Nhật T có 02 con chung. Đối với cháu Nguyễn Trần Gia H1 – Sinh ngày: 20/3/2019 và cháu Nguyễn Trần Gia H2 – Sinh ngày: 05/11/2016, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu đang sinh sống với Bà H và Bà H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, do đó cần giao cho Bà H được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Nhật T được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Nhật T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 241, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H. Cho bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Nhật T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Gia H1 – Sinh ngày: 20/3/2019 và cháu Nguyễn Trần Gia H2 – Sinh ngày: 05/11/2016 cho bà Trần Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Nhật T được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Trần Thị Ngọc H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0022641 ngày 17/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Nguyễn Nhật T không phải chịu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh